

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN C  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-10-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Thay.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Tổ 12, Khu phố 4, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Tổ 12, Khu phố 4, thị trấn Tân C, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 31-5-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Mạnh H chung sống với nhau từ năm 1986, không đăng ký kết hôn, chung sống tự nguyện. Nguyên nhân bà xin ly hôn với ông H là do trong thời gian chung sống ông H quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác và ông H thường xuyên ăn chơi dẫn đến nợ nần. Bà đã khuyên can nhiều lần nhưng

ông H không sửa đổi. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Phan Mạnh C1, sinh ngày 27-01-1996. Hiện cháu C1 đã thành niên, đi làm, sinh sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Mạnh H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị T đối với ông Nguyễn Mạnh H; về con chung: Cháu Nguyễn Phan Mạnh C1, sinh ngày 27-01-1996 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Mạnh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[2] Về hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Mạnh H chung sống với nhau từ năm 1986, không đăng ký kết hôn, nhưng chung sống trước ngày 03-01-1987 nên vẫn được xem là hôn nhân thực tế, được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng là do ông H sống không chung thủy, thường xuyên ăn chơi, không quan tâm đến vợ con. Bà T đã khuyên can nhiều lần nhưng ông H không sửa đổi. Xét tình cảm vợ, chồng giữa bà T và ông H không còn, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H, cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Phan Mạnh C1, sinh ngày 27-01-1996 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo điểm đ, Khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí đối với bà T. Hoàn trả lại cho bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị T đối với ông Nguyễn Mạnh H. Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Phan Mạnh C1, sinh ngày 27-01-1996 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Phan Thị T. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số **0002082, ngày 03 tháng 6 năm 2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân C;
- Chi cục THADS huyện Tân C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Đức Dũng**